

2024 학년도 외국인(베트남인) 특별전형 입학요강

HƯỚNG DẪN NHẬP HỌC CHẾ ĐỘ TUYỂN SINH ĐẶC BIỆT DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI (NGƯỜI VIỆT NAM) NĂM HỌC 2024

김천고등학교

Trường trung học phổ thông Gimcheon

◆ 김천고등학교 소개 *Giới thiệu trường trung học phổ thông Gimcheon*



1. 1931 년 개교한 명문사학

Trường tư thục danh tiếng thành lập năm 1931

2. 대한민국 고등학교 2,000 여개 중 상위 1% 이내

Nằm trong Top 1% các trường tốt nhất trong số 2.000 trường trung học phổ thông ở Hàn Quốc

3. 대한민국 전체에서 우수 학생을 모집하는 자율형 사립학교

Trường tư thục tự do tuyển sinh những học sinh xuất sắc từ khắp Hàn Quốc

4. 졸업생 다수가 명문 대학 진학

Đa số học sinh tốt nghiệp đều tiếp tục vào các trường đại học danh tiếng

5. 다양하고 심오한 교육과정을 제공함으로써 글로벌 인재 육성

Bồi dưỡng nhân tài toàn cầu bằng cách mang đến chương trình giảng dạy đa dạng

g và chuyên sâu

I. 모집인원 : 7명 이내

Số lượng tuyển sinh : Dưới 7 người

II. 지원자격 *Điều kiện dự tuyển*

1. 학생 및 부모가 모두 외국인(베트남인)으로서 중학교 졸업 또는 이와 동등 이상의 학력이 있다고 인정되는 남학생

Học sinh nam có bố và mẹ là người nước ngoài, được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc có học lực tương đương trở lên

2. 이중 국적자는 외국인으로 인정하지 않는다.

Người có hai quốc tịch không được công nhận là người nước ngoài

3. 국내 정규 고등학교 입학기준으로 학제를 산정하되 각 해당국별 학제 및 학기 등을 고려하여 지원 자격을 종합적으로 판단한다.

Chúng tôi tính toán chế độ đào tạo dựa theo tiêu chuẩn nhập học ở trường trung học phổ thông chính quy trong nước nhưng đánh giá tổng hợp điều kiện dự tuyển bằng cách xem xét chế độ đào tạo và học kỳ theo từng quốc gia tương ứng.

4. 외국인 특별전형의 취지를 감안하여 별도의 기준을 적용할 수 있으며 지원자 적격여부는 김천고등학교 입학전형위원회에서 결정한다.

Có thể áp dụng các tiêu chí riêng bằng cách cân nhắc mục đích tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài, ứng viên có đủ điều kiện hay không là do Hội đồng tuyển sinh của trường phổ thông trung học Gimcheon quyết định.

III. 제출서류 *Hồ sơ nộp*

1. 특별전형(외국인 전형) 입학원서(서식 1)
Đơn xin nhập học chế độ tuyển sinh đặc biệt (dành cho người nước ngoài) (Mẫu số 1)
2. 자기소개 및 학업계획서(서식 2) *Bản tự giới thiệu bản thân và kế hoạch học tập. (Mẫu số 2)*
3. 수학기간 기록표(서식 3) *Phiếu ghi chép thời gian học (Mẫu số 3)*
4. 개인정보 활용 동의서(서식 4) *Bản đồng ý sử dụng thông tin cá nhân (Mẫu số 4)*
5. 중학교 졸업 증명서 *Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở*
6. 중학교 전 학년 성적증명서
Giấy chứng nhận kết quả học tập toàn năm học tại trường trung học cơ sở
7. 기타서류(해당자) : 수상경력(중학교 재학기간 중 수상한 것에 한함), 한국어능력시험(TOPIK), TOEFL(IBT) (or Duolingo)
Hồ sơ khác (Nếu có) : Giải thưởng (giới hạn cho các giải thưởng nhận được khi học trung học cơ sở, Thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK), TOFEL(IBT) (or Duolingo)
8. 지원자 여권사본 *Bản sao hộ chiếu của ứng viên.*
9. 건강진단서(2종) : B형 간염 음성 확인서, 결핵 음성 확인서
Giấy khám sức khỏe (2 loại) : Giấy nhận âm tính với viêm gan B, xác nhận âm tính với bệnh lao

※ 위 제출 서류 1번은 10월 14일까지, 2~7번은 11월 7일까지, 8~9번은 최종 합격

후 입국시 제출함

Hồ sơ mục số 1 ở trên phải được nộp trong ngày 14/10, hồ sơ mục số 2~8 nộp trong ngày 07/11, hồ sơ mục số 9,10 nộp khi nhập cảnh sau khi đã trúng tuyển bước cuối cùng

※ 유의사항 *Lưu ý:*

a. 자기소개 및 학업계획서(서식 2)는 한국어나 영어로 작성해야 한다.

Bản giới thiệu bản thân & Kế hoạch học tập (Mẫu 2) phải lập bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh

b. 제출서류 상의 이름이나 생년월일이 각각 다른 경우에는 동일인임을 증명하는 증명서를 첨부해야 한다.

Nếu tên hoặc ngày tháng năm sinh trên hồ sơ khác nhau, thì phải đính kèm giấy chứng nhận chứng minh cùng một người

c. 한국어나 영어로 작성되지 않은 서류는 반드시 공증받은 한글(영어)번역서를 첨부하여 제출하여야 한다.

Các hồ sơ không được lập bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh phải được nộp kèm t heo bản dịch tiếng Hàn (tiếng Anh) có công chứng.

d. 서류는 원본을 제출하는 것을 원칙으로 한다. 단, 원본을 제출할 수 없을 경우 발급기관이나 우리 학교 원서접수처에서 원본 대조필하여야 한다.

Về nguyên tắc phải nộp hồ sơ bản gốc. Tuy nhiên, nếu không thể nộp bản chính, phải được cơ quan ban hành hoặc bộ phận tiếp nhận hồ sơ của trường chúng tôi đóng dấu đối chiếu bản gốc

e. 기재사실이 원본과 다른 경우 또는 허위 서류를 제출한 경우는 합격에서 배제한다.

Nếu thông tin ghi chép khác với bản gốc, hoặc nếu nộp hồ sơ giả mạo, việc trúng tuyển sẽ bị loại trừ.

IV. 제출처 *Nơi nộp hồ sơ*

** 제출서류는 E-mail 또는 우편으로 접수 가능함.*

Hồ sơ có thể nộp qua Email hoặc qua đường bưu điện.

1. 제출처 : E-mail 접수 (gilmong88@naver.com)

Nơi nộp: Nộp tiếp nhận qua Email (gilmong88@naver.com)

우편접수 Tiếp nhận qua đường bưu điện

(SEQUOIA GROUP VIETNAM, 97 Me Tri Thuong, Me Tri, Nam Tu Liem, Ha Noi)

2. 문의: *Giải đáp thắc mắc*

1) 김천고등학교 국제부 (mail0777@gbe.kr)

(대한민국 경상북도 김천시 송설로 90. 김천고등학교 국제부)

Khoa Quốc Tế, trường phổ thông trung học Gimcheon (mail0777@gbe.kr)

(90, Songseol-ro, Gimcheon-si, Gyeongsangbuk-do, Hàn Quốc)

2) 하노이 연락사무소 (gilmong88@naver.com / 024 7305 4668)

Văn phòng đại diện tại Hà Nội (gilmong88@naver.com / 024 7305 4668)

Admissions Agent for Vietnamese Student : 권용석

đại lý nhập học : KWON YONGSEOK (0346 961 600)

운영 대행회사 : 세콰이어그룹 베트남

Công ty thi hành án: SEQUOIA GROUP VIETNAM

Giám đốc đại diện: Lee Gi Hong (0911935834)

Nhân viên phụ trách: Trần Thị Phương Thúy (SĐT: 0915242910)

Địa chỉ: 97 Mễ Trì Thượng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024 73054668

Email: gilmong88@naver.com / phuongthuysqv@gmail.com

V. 신입학 전형일정 및 전형방법

Lịch tuyển sinh học sinh mới và cách thức tuyển sinh

1. 전형일정 및 배점 *Lịch tuyển sinh và chấm điểm*

원서접수 Nộp hồ sơ	제출서류 중 1. 입학 원서 Hồ sơ mục số 1 Đơn xin nhập học	2023년 10월 14일까지 Đến ngày 14 tháng 10 năm 2023
	제출서류 중 2.~7 Hồ sơ mục số 2.~7.	2023년 11월 7일까지 Đến ngày 7 tháng 11 năm 2023
1단계 전형 <i>Vòng 1</i>	서류전형 Nhận hồ sơ	2023년 11월 8일 ~ 11월 9일 Ngày 8 tháng 11~ ngày 9 tháng 11 năm 2023

1단계 합격자 발표		2023년 11월 9일 <i>Ngày 9 tháng 11 năm 2023</i>
2단계 전형 <i>Vòng 2</i>	면접 <i>Phỏng vấn</i>	2023년 11월 10일 ~ 11일 <i>Ngày 10 ~ ngày 11 tháng 11 năm 2023</i>
최종 합격자 발표 <i>Công bố người trúng tuyển cuối cùng</i>		2023년 11월 13일 <i>Ngày 13 tháng 11 năm 2023</i>

1단계 전형 (서류전형 및 학업능력평가) <i>Tuyển sinh vòng 1 (Nhận hồ sơ và đánh giá học lực)</i>	구분 <i>Phân loại</i>	자기소개서 학업계획서 <i>Bản giới thiệu bản thân và kế hoạch học tập</i>	학업능력평가 <i>Đánh giá năng lực học tập</i>			계 <i>Tổng c ộng</i>
			TOPIK	TOEFL Or Duolingo	GPA	
	배점 <i>Chấ m điể m</i>	20	30	20	30	100점 <i>100 điể m</i>
2단계 전형(면접) <i>Vòng 2 (Phỏng vấn)</i>		100점(한국어 50점, 영어 50점) <i>100 điểm (Tiếng Hàn 50 điểm, tiếng Anh 50 điểm)</i>				
전형총점 <i>Tổng điểm</i>		200점 <i>200 điểm</i>				

2. 1 단계 전형(100 점) *Vòng 1 (100 điểm)*

자기소개 및 학업계획서(20 점), 한국어 능력(30 점), 영어 능력(20 점), GPA(30 점)을 합산하여 100 점 만점에 50 점 이하는 불합격 처리하고 면접을 실시하지 않는다. (단, 학업성적에 반영되는 교과목의 범위와 성취 수준은 입학전형위원회에서 정한다.)

Cộng các điểm: Bản giới thiệu bản thân và kế hoạch học tập (20 điểm), trình độ tiếng Hàn (30 điểm), trình độ tiếng Anh (20 điểm), GPA (30 điểm), nếu đạt dưới 50 điểm/ 100 điểm là không đạt và không thực hiện phỏng vấn. (Tuy nhiên, phạm vi và mức độ thành tích của các môn học được phản ánh trong kết quả học tập được xác định bởi Hội đồng Tuyển sinh.)

1) 자기소개 및 학업계획서(20 점)

Bản giới thiệu bản thân và kế hoạch học tập (20 điểm)

평가 기준 <i>Tiêu chí đánh giá</i>	점수 <i>Điểm số</i>
목표가 분명하고 구체적 실천계획을 가지고 있다. <i>Có mục tiêu rõ ràng và kế hoạch thực hiện cụ thể</i>	20
목표는 분명하나 구체적 실천계획이 없다. <i>Mục tiêu rõ ràng, nhưng không có kế hoạch hành động cụ thể.</i>	15
목표와 실천계획이 추상적이다. <i>Mục tiêu và kế hoạch hành động mơ hồ.</i>	10

2) 한국어 능력(30 점) : 회화 능력 및 학문적 지문을 읽고 쓸 수 있는 능력을 TOPI K 점수로 대체

Năng lực tiếng Hàn Quốc (30 điểm): Kỹ năng hội thoại và khả năng đọc, viết văn bản học thuật được thay thế bằng điểm TOPIK

평가 기준 <i>Tiêu chí đánh giá</i>	점수 <i>Điểm số</i>
6급 <i>Cấp 6</i>	30
5급 <i>Cấp 5</i>	25
4급 <i>Cấp 4</i>	20
3급 이하 <i>Dưới Cấp 3</i>	15

3) 영어 능력(20 점) : 회화 능력 및 학문적 지문을 읽고 쓸 수 있는 능력을 TOEFL 점수로 대체

Năng lực tiếng Anh (20 điểm) Khả năng giao tiếp và đọc viết văn bản học thuật được thay thế bằng điểm số TOEFL và Duolingo.

평가 기준 <i>Tiêu chí đánh giá</i>		점수 <i>Điểm số</i>
TOEFL	Duolingo	

110	140	20
90	120	15
75	105	10

4) GPA 내신(30 점) : 학업 능력과 성실함을 평가

Bảng điểm GPA (30 điểm): Đánh giá năng lực học tập

평 가 기 준 <i>Tiêu chí đánh giá</i>	점수 <i>Điểm số</i>
학업성취도 평균A(90점 이상) <i>Bảng điểm GPA Bình quan A (trên 90 điểm)</i>	30
학업성취도 평균B (80점 이상) <i>Bảng điểm GPA Bình quan B (trên 80 điểm)</i>	25
학업성취도 평균C(70점 이상) <i>Bảng điểm GPA Bình quan C (trên 70 điểm)</i>	20
학업성취도 평균D(70점 미만) <i>Bảng điểm GPA Bình quan D (dưới 70 điểm)</i>	15

3. 2 단계 전형(100 점) *Vòng 2 (100 điểm)*

1 단계 전형 합격자에 한하여 한국어와 영어 구술면접을 실시한다.

Thực hiện phỏng vấn miệng bằng tiếng Hàn và tiếng Anh với những học sinh đã vượt qua vòng 1

1) 대면 또는 화상 면접 ***Phỏng vấn trực tiếp hoặc phỏng vấn video***

2) 한국어와 영어로 일상적인 주제에 대하여 개별면접 실시

Thực hiện phỏng vấn riêng theo chủ đề bằng tiếng Hàn và tiếng Anh.

3) 특별한 사유 없이 구술면접에 미응시할 경우 불합격 처리

Xử lý là không đạt với trường hợp không thực hiện cuộc phỏng vấn miệng mà không có bất kỳ lý do đặc biệt nào.

4) 구술면접 평가 항목 ***Mục đánh giá phỏng vấn miệng***

- ① 이해도/ *Mức độ hiểu*(20)
- ② 논리성/ *Tính logic*(20)
- ③ 적극성/ *Tính tích cực*(10)

평가 척도 <i>Thang đánh giá</i>	평가점수(50점+50점) <i>Điểm đánh giá (50 điểm)</i>	
언어	한국어 <i>Hàn</i>	영어 <i>Anh</i>
이해도(20)	20 / 18 / 16 / 14	20 / 18 / 16 / 14
논리성(20)	20 / 18 / 16 / 14	20 / 18 / 16 / 14
적극성(10)	10 / 8 / 6 / 4	10 / 8 / 6 / 4
합계	50	50

※ 답변의 충실도에 따라 기준 점수에서 일부 점수를 가감하여 부여 가능함
Tùy thuộc vào độ trung thực của câu trả lời, có thể được cộng thêm hoặc bị trừ một số điểm trong điểm tiêu chuẩn.

5) 면접 평가 위원은 2인 이상으로 구성한다.

Người đánh giá phỏng vấn được bố trí từ 2 người trở lên.

4. 최종합격자 선발 *Chọn lựa người trúng tuyển cuối cùng*

1 단계와 2 단계 전형결과를 종합하여 고득점자 순으로 입학전형위원회의 심의를 거쳐 최종 합격자를 선발한다.

Tổng hợp kết quả đánh giá ở vòng 1 và vòng 2 để lựa chọn ra người trúng tuyển cuối cùng với mức điểm đạt cao nhất sau khi thông qua bởi hội đồng tuyển sinh

VI. 편입학 전형방법 *Cách nhập học chuyển tiếp*

1. 추가 제출서류 : 고등학교 재학증명서 및 고등학교 성적증명서
Hồ sơ nộp bổ sung: Giấy chứng nhận đang học tại trường phổ thông trung học và giấy chứng nhận kết quả học tập tại trường phổ thông trung học.
2. 전형 방법 : 신입학 전형에 준하여 단계별 전형 실시
Cách tuyển sinh: Thực hiện tuyển sinh theo các vòng, phù hợp với quy trình tuyển sinh học sinh mới.

※ 본 요강은 외국학교 졸업(예정)자로서 2024학년도 1학기 본교 입학하는 학생부터 적용한다.

Bản hướng dẫn này áp dụng cho học sinh nhập học trường này học kỳ 1 năm học 2024, người đã tốt nghiệp (dự kiến) các trường ở nước ngoài.

◆ 김천고등학교 입학시 특전

Những ưu tiên đặc biệt khi nhập học vào trường trung học phổ thông Gimcheon

1. 3년간 장학금 제공 : 수업료, 기숙사비, 식비, 교재비, 항공료 등

Được cấp học bổng trong 3 năm: Gồm các khoản như: học phí, tiền phí kí túc xá, tiền ăn, tiền giáo trình, tiền vé máy bay...

※ 단, 비자 수속하는 과정에서 드는 비용은 자 부담입니다.

Xin lưu ý rằng các chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục visa là trách nhiệm của người nộp đơn..

2. 입학 2개월 전 입국하여 한국어 어학연수 및 숙식 제공

Cung cấp khóa đào tạo tiếng Hàn và phí ăn ở khi nhập cảnh trước khi nhập học 2 tháng.

3. 교육과정 이수시 대한민국 4년제 대학교 특별전형 응시자격 부여

Khi hoàn thành khóa đào tạo, học sinh đủ điều kiện ứng tuyển lên chương trình tuyển sinh dạng đặc biệt của trường đại học khóa 4 năm.

4. 재학 중 한국 문화 체험 실시

Được trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc trong quá trình học.

5. 3 năm gian túc sự sống

Được ở trong ký túc xá 3 năm.

김천고등학교 입학원서

Đơn xin nhập học trường trung học phổ thông Gimcheon

특별전형(외국인 전형)

Tuyển sinh theo chế độ đặc biệt (dành cho người nước ngoài)

Gimcheon HIGH SCHOOL APPLICATION FORM FOR ADMISSION

※ 접수(수험)번호(APPLICATION NO)/ Số tiếp nhận (số báo danh) : ()

학생 (APPLICANT) Học sinh	성명 FULL NAME <i>Họ tên</i>		성별 GENDER <i>Giới tính</i>	남 M Nam	
	생년월일 DATE OF BIRTH <i>Ngày tháng năm sinh</i>		E-MAIL ADDRESS		
	여권번호 PASSPORT NO <i>Số hộ chiếu</i>		@		
	출신학교 MIDDLE SCHOOL <i>Trường trung học</i>	출신지역(CITY OR PROVINCE) / <i>Khu vực</i> : 교명(SCHOOL NAME) / <i>Tên trường</i> : 20 년 월 학년 반 번 졸업(예정) GRADUATED(EXPECTED TO GRADUATE): <i>Tốt nghiệp ngày tháng năm 20 năm học lớp số</i> (Dự kiến)			사진 (3×4cm) ATTACH YOUR PHOTO Ảnh
		연락처 Tel <i>Điện thoại</i>		FAX	
국적 NATIONALITY <i>Quốc tịch</i>		외국체류기간 PERIOD OF STAY ABROAD <i>Thời gian lưu trú ở nước ngoài</i>	년 월 years months <i>Năm Tháng</i>		
지원자격 QUALIFICATION <i>Điều kiện dự tuyển</i>		외국재학기간 PERIOD OF STUDYING ABROAD <i>Thời gian học tập ở nước ngoài</i>	년 월 years months <i>Năm Tháng</i>		

보호자 P A R E N T Người I giám hộ	성명 FULL NAME <i>Họ tên</i>		전화번호 TEL NO <i>Số ĐT</i>	주택/ <i>Nhà riêng</i> (Home) : () - Mobile :
	학생과의 관계 RELATIONSHIP TO THE APPLICANT <i>Quan hệ với học sinh</i>		직업 OCCUPATION <i>Nghề nghiệp</i>	
	E-MAIL ADDRESS			
	주소 MAILING ADDRESS <i>Địa chỉ</i>			

	구분 Category/ <i>Phân loại</i>	유형 Test Name/ <i>Loại</i>	점수 Score/ <i>Điểm</i>
가산점 실적란 EXTRA POINTS <i>Thành tích để cộng điểm</i>	영어 공인어학능력(최상위 1개) English Ability (Enter your highest score) <i>Trình độ tiếng Anh (Nhập 1 điểm cao nhất)</i>		

위 내용이 틀림이 없음을 확인하면서 202 학년도 제 학년에 입학하고자 위와 같이 지원합니다.

I HEREBY APPLY FOR THE ADMISSION AND CERTIFY THAT THE ABOVE INFORMATION GIVEN IS TRUE AND CORRECT

Tôi xác nhận nội dung trên là đúng sự thật, xin nộp đơn nhập học vào lớp năm học 202 như nội dung trên.

202 년 월 일

Ngày tháng năm 202

지원자(APPLICANT)/ *Người nộp đơn* :

인(SIGNATURE)/*Ký tên*

보호자(PARENT or GUARDIAN)/*Người giám hộ* :

인(SIGNATURE)/*Ký tên*

() 중학교장 직인

Hiệu trưởng trường trung học phổ thông () Đóng dấu

김 천 고 등 학 교 장 귀 하

Gimcheon HIGH SCHOOL

KÍNH GỬI HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG GIMCHEON

※ Please fill out this form in capital letters.

Personal Statement & Academic Plan

☐ For Applicant

※ Application No :

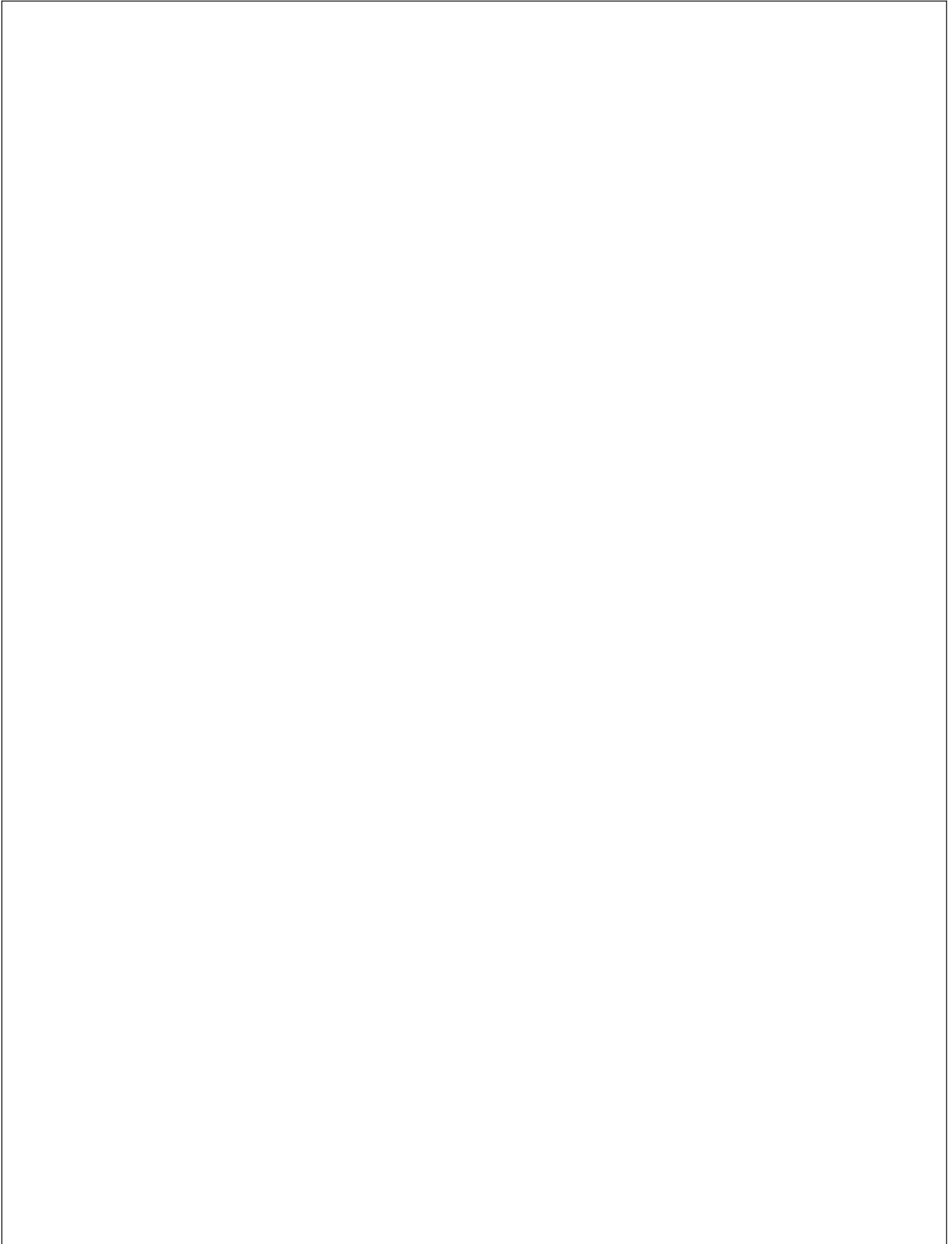
성명 NAME Họ tên	한글 IN KOREAN <i>Tên tiếng Hàn</i>	
	영문 IN ENGLISH <i>Tên tiếng Anh</i>	

※Please write in English and Korean.

1. 김천고등학교에 입학한 이후의 학업계획(국내대학 진학, 해외유학)에 대해 구체적으로 적어주십시오.

Please describe your academic and career goals and your plans (i.e., applying for domestic college or studying abroad) to achieve them.

Vui lòng viết chi tiết về kế hoạch học tập của bạn (Học tiếp lên đại học trong nước, đi du học nước ngoài) sau khi nhập học tại trường trung học phổ thông Gimcheon.



2. 자신의 삶에 영향을 미친 가장 중요한 사건이나 경험을 설명하고, 그것이 자신의 가치관 혹은 인생관에 어떠한 영향을 주었는지를 기술하십시오.

Please describe the most important incident or experience in your life, and how it affected the way you see yourself and the world.

Giới thiệu sự kiện hoặc trải nghiệm quan trọng nhất đã ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn, điều đó đã ảnh hưởng như thế nào đến các giá trị quan hoặc nhân sinh quan của bạn.

3. 가장 감명 깊게 읽은 책(2권)에 대하여 감명받은 개인적인 이유를 요점 중심으로 기술하십시오.

Please describe the two most impressive books you have read in the form below

Hãy mô tả trọng tâm những điểm chính lý do cá nhân của bạn về cuốn sách bạn đã đọc (2 cuốn)

<p>도서명/저자 Title / Author <i>Tên sách/ tác giả</i></p>	<p>감명 받은 개인적인 이유 What impressed you most in the book <i>Điều ấn tượng nhất của bạn về cuốn sách</i></p>
<p>도서명 Title <i>Tên sách</i></p>	
<p>저자 Author <i>Tác giả</i></p>	

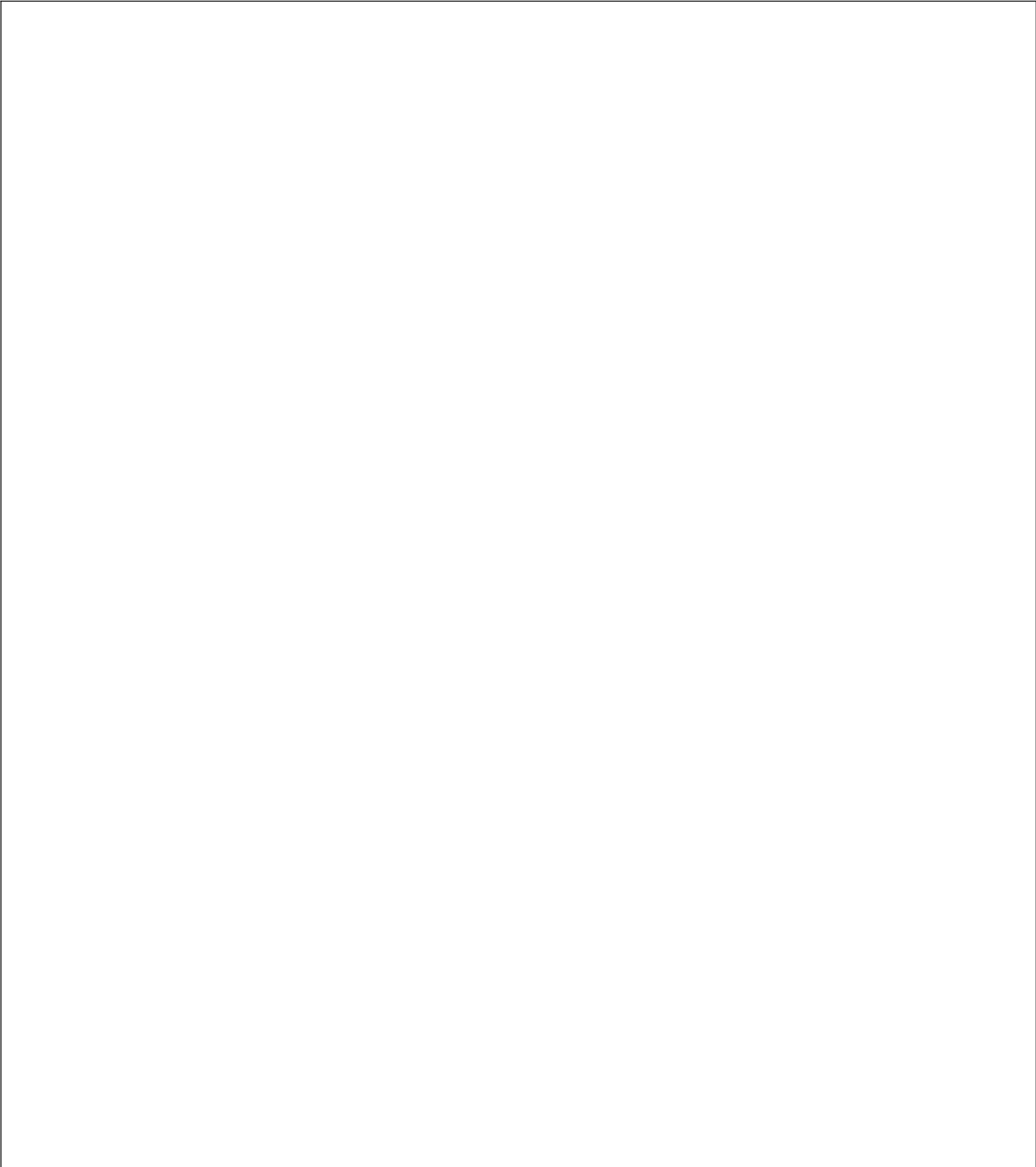
<p style="text-align: center;"> 도서명/저자 Title / Author <i>Tên sách/ tác giả</i> </p>	<p> 감명 받은 개인적인 이유 What impressed you most in the book <i>Điều ấn tượng nhất của bạn về cuốn sách</i> </p>
<p style="text-align: center;"> 도서명 Title <i>Tên sách</i> </p>	
<p style="text-align: center;"> 저자 Author <i>Tác giả</i> </p>	

--	--

4. 자신의 가족을 소개하고 자신의 성장과정을 구체적으로 기술하십시오.

Please introduce your family and describe how the environment you grew up in affected your life.

Hãy mô tả cụ thể quá trình trưởng thành của bản thân, giới thiệu về gia đình của bạn.



수학기간 기록표 Academic Information/ *Phiếu ghi chép thời gian học*

tập

학 교 School Trường			재 학 기 간 Dates Attended (YY.MM.DD) Thời gian theo học		학년 Grade Năm học	2학기제 Semester System 2 học kỳ		3학기제 Quarter System 3 học kỳ		
학 교 명 Name of School Tên trường	소재도시 City Thành phố	소재국가 Country Quốc gia	기 간 Period (From . . . To . . .) Thời gian	재학년수 Total Days Attended Số năm học		1 Fall	2 Spring	1 Fall	2 Winter	3 Spring
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						

			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						
			. . . ~	년 개월 yr mth Năm Tháng						

위 내용이 틀림이 없음을 확인합니다.

I declare that the information provided in this application is true, complete, and accurate.

Tôi xác nhận nội dung trên là đúng sự thật.

202 년 월 일

Ngày tháng năm 202

지원자(APPLICANT)/ *Người nộp đơn:*

인(SIGNATURE)/ *Ký tên*

보호자(PARENT or GUARDIAN)/ *Người giám hộ :*

인(SIGNATURE)/ *Ký tên*

김천고등학교장 귀하

Gimcheon HIGH SCHOOL

Kính gửi Hiệu trưởng trường phổ thông trung học Gimcheon

개인정보 활용 동의서

Bản đồng ý sử dụng thông tin cá nhân

본 입학원서에 기재된 지원자의 개인정보는 신입생 입학관리업무의 원활한 수행을 위하여 개인정보의 수집 · 유출 · 오용 · 남용으로부터 사생활의 비밀 등을 보호하도록 한 개인정보보호법 규정에 따라 다음과 같이 수집 · 이용 · 제공됩니다.

Thông tin cá nhân của ứng viên viết trong đơn đăng ký này được thu thập, sử dụng, cung cấp n hư sau theo quy định của Luật bảo vệ thông tin cá nhân, nhằm bảo vệ tính bí mật của cuộc sống cá nhân khỏi việc thu thập, rò rỉ, sử dụng sai trái và lạm dụng thông tin cá nhân trong quá trìn h thực hiện quản lý tuyển sinh.

1. (개인정보 처리의 법령상 근거) (*Căn cứ Pháp lý khi xử lý thông tin cá nhân*)

본 입학원서에 기재된 개인정보의 처리업무는 초 · 중등교육법 제47조 및 동법 시행령 제81조, 제82조, 제84조, 제98조 및 본교의 입학전형 실시계획 등에 근거하고 있습니다.

Việc xử lý thông tin cá nhân đề cập trong đơn đăng ký này căn cứ theo Điều 47 Luật Giáo dục Tiểu học và Trung học, Điều 81, 82, 84 và 98 của Nghị định thi hành luật này, cùng kế hoạch th ực hiện việc tuyển sinh của trường đại học này.

2. (정보주체의 권리) (*Quyền của chủ thể thông tin*)

지원자는 자신이 제공한 개인정보에 대하여 개인정보 보호법 제4조 및 제35조부터 제38조까지에 따라 열 람 · 처리 · 정지 · 정정 · 삭제 · 파기 등을 요구할 수 있으며, 개인정보 보호법을 위반한 행위로 인한 손 해 발생시에는 개인정보 보호법 제39조에 따라 손해배상을 청구할 수 있습니다.

Người nộp đơn có thể yêu cầu xem, xử lý, tạm dừng, sửa chữa, xóa và hủy thông tin cá nhân do người đó cung cấp theo Điều 4 và từ điều 35 đến điều 38 của Luật bảo vệ thông tin cá nhân. T rong trường hợp có phát sinh thiệt hại do hành vi vi phạm luật bảo vệ thông tin cá nhân, người nộp đơn có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại theo điều 39 Luật bảo vệ thông tin cá nhân.

3. (개인정보 수집항목) (*Hạng mục thu thập thông tin cá nhân*)

입학관리 업무의 원활한 수행을 위하여 수집하는 개인정보는 성명, 생년월일, 주민등록번호, 증명사진, 주 소, 전화번호, 학력, 출결사항 · 교과성적 등입니다.

Thông tin cá nhân được thu thập để thực hiện một cách thuận lợi việc quản lý nhập học bao gồ m: họ tên, ngày tháng năm sinh, số đăng ký cư trú, ảnh chứng minh, địa chỉ, số điện thoại, học v ấn, điểm chuyên cần và bảng điểm toàn khóa học.

4. (개인정보의 수집 · 이용 목적) (*Mục đích của việc thu thập, sử dụng thông tin cá nhân*)

수집한 지원자의 개인정보는 원서접수, 지원자격 · 지원결격 사유 확인, 지원자 본인 확인, 성적산출, 합격 증명서 발급, 통계자료 산출 등 입학관리 업무를 위한 정보로 이용됩니다.

Thông tin cá nhân thu thập của người dự tuyển được sử dụng cho việc quản lý tuyển sinh như: ti

ếp nhận đơn, xác nhận điều kiện dự tuyển, lý do không đủ điều kiện dự tuyển, xác nhận người nộp đơn, tính điểm, cấp chứng nhận trúng tuyển, tính toán dữ liệu thống kê...

5. (개인정보 제공) (Cung cấp thông tin cá nhân)

수집한 개인정보는 지원자격 · 지원결격 사유 조회 및 교과성적 확인 등을 위하여 지원자가 졸업한 중학교 등 관련된 기관에 제공될 수 있습니다.

Thông tin cá nhân thu thập được có thể được cung cấp cho các tổ chức liên quan như: trường trung học cơ sở nơi mà ứng viên đã tốt nghiệp, để điều tra điều kiện dự tuyển, lý do không đủ điều kiện dự tuyển và xác nhận thành tích toàn khóa học.

6. (개인정보의 보유기간 및 이용기간) (Thời gian lưu giữ và thời gian sử dụng thông tin cá nhân)

수집한 개인정보는 입학관리 업무를 계속하는 동안 보유 · 이용할 수 있으며, 입학관리 업무 완료 후 본인의 삭제요청이 있을 경우에는 모두 삭제됩니다.

Thông tin cá nhân đã thu thập có thể được lưu giữ và sử dụng trong suốt quá trình quản lý tuyển sinh và sẽ được xóa nếu có yêu cầu xóa của người cung cấp sau khi hoàn thành công việc quản lý tuyển sinh.

7. (개인정보의 수집 · 이용 · 제공에 대한 동의 거부) (Không đồng ý thu thập, sử dụng, cung cấp thông tin cá nhân)

지원자는 개인정보의 수집 · 이용 · 제공에 대한 동의를 거부할 수 있으며, 동의를 거부할 경우 지원결격 사유 조회 등 입학관리 업무를 수행할 수 없으므로 원서를 접수할 수 없습니다.

Người nộp đơn có thể từ chối đồng ý việc thu thập, sử dụng và cung cấp thông tin cá nhân. Trường hợp từ chối, nhà trường sẽ không thể thực hiện việc quản lý nhập học cũng như điều tra lý do không đủ tư cách dự tuyển, vì thế hồ sơ của bạn sẽ có thể không được tiếp nhận.

본 입학원서의 개인정보 수집 · 이용 · 제공에 동의합니다. □

Tôi đồng ý việc thu thập, sử dụng, cung cấp thông tin cá nhân tại đơn dự tuyển này.

202 년 월 일

Ngày tháng năm 202

지원자 성명 (서명) 보호자 성명 (서명)

Họ tên người nộp đơn (Ký tên) Họ tên người giám hộ (Ký tên)

김천고등학교장 귀하

Kính gửi Hiệu trưởng trường phổ thông trung học Gimcheon